

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC TÀI SẢN TÁI SỬ DÙNG ĐƯỢC**

| TT | Tên thanh                        | Kí hiệu | Quy cách                                                                            |     | ĐVT | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết                     | Ghi chú  |                  |  |
|----|----------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|----------|------------------|--------------------|---------------------------------|----------|------------------|--|
|    |                                  |         |                                                                                     |     |     |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |                                 |          |                  |  |
| 1  | 2                                | 3       | 4                                                                                   |     | 5   | 6        | 7                | 8                  | 9                               | 11       |                  |  |
| I  | Các hạng mục khác nhíp dẫn       |         |                                                                                     |     |     |          |                  |                    |                                 |          |                  |  |
| 1  | Lan can thép                     |         |                                                                                     |     | m   | 306      | Còn sử dụng được |                    | Bãi tập kết phạm vi công trường |          |                  |  |
| IV | Dầm dầm thép 66m nhíp 5 từ T5-T6 |         |                                                                                     |     |     |          |                  |                    |                                 |          |                  |  |
| A  | Dàn chủ                          |         |                                                                                     |     |     |          |                  |                    |                                 |          |                  |  |
| I  | Các thanh mạ hạ                  |         |                                                                                     |     |     |          |                  |                    |                                 |          |                  |  |
| 1  | Mạ hạ                            | U0U1    |    | 450 | x   | 14       |                  |                    | Bản                             | 2        | Còn sử dụng được |  |
|    |                                  |         |    | 525 | x   | 10       |                  |                    | Bản                             | 2        |                  |  |
|    |                                  |         |    | 590 | x   | 220      | x                | 10                 |                                 | Khoét lỗ |                  |  |
| 2  | Mạ hạ                            | U0'U1'  |    | 450 | x   | 14       |                  |                    | Bản                             | 2        | Còn sử dụng được |  |
|    |                                  |         |    | 525 | x   | 10       |                  |                    | Bản                             | 2        |                  |  |
|    |                                  |         |    | 590 | x   | 220      | x                | 10                 |                                 | Khoét lỗ |                  |  |
| 3  | Mạ hạ                            | U1U2    |  | 450 | x   | 14       |                  |                    | Bản                             | 2        | Còn sử dụng được |  |
|    |                                  |         |  | 525 | x   | 10       |                  |                    | Bản                             | 2        |                  |  |
|    |                                  |         |  | 590 | x   | 220      | x                | 10                 |                                 | Khoét lỗ |                  |  |
| 4  | Mạ hạ                            | U1'U2'  |  | 450 | x   | 14       |                  |                    | Bản                             | 2        | Còn sử dụng được |  |
|    |                                  |         |  | 525 | x   | 10       |                  |                    | Bản                             | 2        |                  |  |
|    |                                  |         |  | 590 | x   | 220      | x                | 10                 |                                 | Khoét lỗ |                  |  |
| 5  | Mạ hạ                            | U2U3    |  | 450 | x   | 14       |                  |                    | Bản                             | 2        | Còn sử dụng được |  |
|    |                                  |         |  | 525 | x   | 10       |                  |                    | Bản                             | 2        |                  |  |
|    |                                  |         |  | 590 | x   | 220      | x                | 10                 |                                 | Khoét lỗ |                  |  |
|    |                                  | U2'U3'  |  | 450 | x   | 14       |                  |                    | Bản                             | 2        |                  |  |

| TT | Tên thanh  | Kí hiệu | Quy cách                                                                            |     |   |     |   |    |  | ĐVT      | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết | Ghi chú              |
|----|------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|---|----|--|----------|----------|------------------|--------------------|-------------|----------------------|
|    |            |         |                                                                                     |     |   |     |   |    |  |          |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |             |                      |
| 6  | Mạ hạ      |         |    | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |             |                      |
|    |            |         |    | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 6        |                  |                    |             |                      |
| 7  | Mạ hạ      | U3U4    |    | 450 | x | 14  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |             |                      |
|    |            |         |    | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |             |                      |
|    |            |         |    | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 6        |                  |                    |             |                      |
|    |            |         |                                                                                     |     |   |     |   |    |  |          |          |                  |                    |             |                      |
| 8  | Mạ hạ      | U3'U4'  |    | 450 | x | 14  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |             |                      |
|    |            |         |    | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |             |                      |
|    |            |         |    | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 6        |                  |                    |             |                      |
| II | Thanh xiên |         |                                                                                     |     |   |     |   |    |  |          |          |                  |                    |             |                      |
| 1  | Thanh xiên | X1      |    | 600 | x | 16  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |             | Thanh xiên đầu giàn  |
|    |            |         |    | 525 | x | 12  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |             |                      |
|    |            |         |                                                                                     | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |             |                      |
| 2  | Thanh xiên | X1'     |    | 600 | x | 16  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |             | Thanh xiên đầu giàn  |
|    |            |         |    | 525 | x | 12  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |             |                      |
|    |            |         |                                                                                     | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |             |                      |
| 3  | Thanh xiên | X2      |    | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |             | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         |    | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |             |                      |
|    |            |         |                                                                                     | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |             |                      |
| 4  | Thanh xiên | X2'     |    | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |             | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         |   | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |             |                      |
|    |            |         |                                                                                     | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |             |                      |
| 5  | Thanh xiên | X3      |  | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |             | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         |  | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |             |                      |
|    |            |         |                                                                                     | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |             |                      |
|    |            |         |  | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |             |                      |

| TT | Tên thanh  | Kí hiệu | Quy cách |     |   |     |   |    |  | ĐVT      | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết                     | Ghi chú              |
|----|------------|---------|----------|-----|---|-----|---|----|--|----------|----------|------------------|--------------------|---------------------------------|----------------------|
|    |            |         |          |     |   |     |   |    |  |          |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |                                 |                      |
| 6  | Thanh xiên | X3'     | □        | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    | Bãi tập kết phạm vi công trường | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |                                 |                      |
| 7  | Thanh xiên | X4      | □        | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |                                 | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         | □        | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |                                 |                      |
|    |            |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |                                 |                      |
| 8  | Thanh xiên | X4'     | □        | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |                                 | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         | □        | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |                                 |                      |
|    |            |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |                                 |                      |
| 9  | Thanh xiên | X5      | □        | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |                                 | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         | □        | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |                                 |                      |
|    |            |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |                                 |                      |
| 10 | Thanh xiên | X5'     | □        | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |                                 | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         | □        | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |                                 |                      |
|    |            |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |                                 |                      |
| 11 | Thanh xiên | X6      | □        | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |                                 | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         | □        | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |                                 |                      |
|    |            |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |                                 |                      |
| 12 | Thanh xiên | X6'     | □        | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |                                 | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         | □        | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |                                 |                      |
|    |            |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |                                 |                      |
| 13 | Thanh xiên | X7      | □        | 450 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |                                 | Thanh xiên giữa giàn |
|    |            |         | □        | 525 | x | 10  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |                                 |                      |
|    |            |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |                                 |                      |
| 14 | Thanh xiên | X7'     | □        | 600 | x | 16  |   |    |  | Bản      | 2        | Còn sử dụng được |                    |                                 | Thanh xiên đầu giàn  |
|    |            |         | □        | 525 | x | 12  |   |    |  | Bản      | 2        |                  |                    |                                 |                      |
|    |            |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |  | Khoét lỗ | 10       |                  |                    |                                 |                      |

| TT  | Tên thanh           | Kí hiệu | Quy cách |     |   |     |   |    |   | ĐVT | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết | Ghi chú                         |                     |
|-----|---------------------|---------|----------|-----|---|-----|---|----|---|-----|----------|------------------|--------------------|-------------|---------------------------------|---------------------|
|     |                     |         |          |     |   |     |   |    |   |     |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |             |                                 |                     |
| 15  | Thanh xiên          | X8      | □        | 600 | x | 16  |   |    |   |     | Bản      | 2                | Còn sử dụng được   |             |                                 | Thanh xiên đầu giàn |
|     |                     |         | □        | 525 | x | 12  |   |    |   |     | Bản      | 2                |                    |             |                                 |                     |
|     |                     |         |          | 590 | x | 220 | x | 10 |   |     | Khoét lỗ | 10               |                    |             |                                 |                     |
| III | Thanh đứng          |         |          |     |   |     |   |    |   |     |          |                  |                    |             |                                 |                     |
| 1   | Thanh đứng          | D1      | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             | Bãi tập kết phạm vi công trường |                     |
| 2   | Thanh đứng          | D1'     | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 3   | Thanh đứng          | D2      | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 4   | Thanh đứng          | D2'     | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 5   | Thanh đứng          | D3      | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 6   | Thanh đứng          | D3'     | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 7   | Thanh đứng          | D4      | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 8   | Thanh đứng          | D4'     | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 9   | Thanh đứng          | D5      | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 10  | Thanh đứng          | D5'     | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 11  | Thanh đứng          | D6      | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 12  | Thanh đứng          | D6'     | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 13  | Thanh đứng          | D7      | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 14  | Thanh đứng          | D7'     | I        | 525 | x | 285 | x | 10 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| IV  | Các thanh mạ thượng |         |          |     |   |     |   |    |   |     |          |                  |                    |             |                                 |                     |
| 1   | Mạ thượng           | L1      | □        | 450 | x | 525 | x | 20 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             | Bãi tập kết phạm vi công trường |                     |
| 2   | Mạ thượng           | L1'     | □        | 450 | x | 525 | x | 20 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 3   | Mạ thượng           | L2      | □        | 450 | x | 525 | x | 20 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 4   | Mạ thượng           | L2'     | □        | 450 | x | 525 | x | 20 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 5   | Mạ thượng           | L3      | □        | 450 | x | 525 | x | 20 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 6   | Mạ thượng           | L3'     | □        | 450 | x | 525 | x | 20 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |
| 7   | Mạ thượng           | L4      | □        | 450 | x | 525 | x | 20 | x | 12  | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                                 |                     |

| TT        | Tên thanh                | Kí hiệu | Quy cách |      |   |     |   |    |   |    | ĐVT   | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết                     | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|---------|----------|------|---|-----|---|----|---|----|-------|----------|------------------|--------------------|---------------------------------|---------|
|           |                          |         |          |      |   |     |   |    |   |    |       |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |                                 |         |
| 8         | Mạ thượng                | L4'     | □        | 450  | x | 525 | x | 20 | x | 12 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 9         | Mạ thượng                | L5      | □        | 450  | x | 525 | x | 20 | x | 12 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 10        | Mạ thượng                | L5'     | □        | 450  | x | 525 | x | 20 | x | 12 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 11        | Mạ thượng                | L6      | □        | 450  | x | 525 | x | 20 | x | 12 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 12        | Mạ thượng                | L6'     | □        | 450  | x | 525 | x | 20 | x | 12 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| <b>V</b>  | <b>Dầm ngang</b>         |         |          |      |   |     |   |    |   |    |       |          |                  |                    |                                 |         |
| 1         | Dầm ngang                | DN1     | I        | 1250 | x | 300 | x | 10 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    | Bãi tập kết phạm vi công trường |         |
| 2         | Dầm ngang                | DN2     | I        | 1250 | x | 300 | x | 10 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 3         | Dầm ngang                | DN3     | I        | 1250 | x | 300 | x | 10 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 4         | Dầm ngang                | DN4     | I        | 1250 | x | 300 | x | 10 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 5         | Dầm ngang                | DN5     | I        | 1250 | x | 300 | x | 10 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 6         | Dầm ngang                | DN6     | I        | 1250 | x | 300 | x | 10 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 7         | Dầm ngang                | DN7     | I        | 1250 | x | 300 | x | 10 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 8         | Dầm ngang                | DN8     | I        | 1250 | x | 300 | x | 10 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 9         | Dầm ngang                | DN9     | I        | 1250 | x | 300 | x | 10 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| <b>VI</b> | <b>Dầm dọc</b>           |         |          |      |   |     |   |    |   |    |       |          |                  |                    |                                 |         |
| 1         | Dầm dọc khoang 1         | DDK1    | I        | 560  | x | 210 | x | 12 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    | Bãi tập kết phạm vi công trường |         |
| 2         | Dầm dọc khoang 2         | DDK2    | I        | 560  | x | 210 | x | 12 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 3         | Dầm dọc khoang 3         | DDK3    | I        | 560  | x | 210 | x | 12 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 4         | Dầm dọc khoang 4         | DDK4    | I        | 560  | x | 210 | x | 12 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 5         | Dầm dọc khoang 5         | DDK5    | I        | 560  | x | 210 | x | 12 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 6         | Dầm dọc khoang 6         | DDK6    | I        | 560  | x | 210 | x | 12 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 7         | Dầm dọc khoang 7         | DDK7    | I        | 560  | x | 210 | x | 12 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| 8         | Dầm dọc khoang 8         | DDK8    | I        | 560  | x | 210 | x | 12 | x | 16 | Thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |         |
| <b>B</b>  | <b>Liên kết dọc trên</b> |         |          |      |   |     |   |    |   |    |       |          |                  |                    |                                 |         |
|           |                          |         | I        | 470  | x | 180 | x | 10 | x | 12 | Thanh | 1        |                  |                    |                                 |         |

| TT | Tên thanh           | Kí hiệu | Quy cách |      |   |     |   |          |   | ĐVT      | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết | Ghi chú                    |                            |
|----|---------------------|---------|----------|------|---|-----|---|----------|---|----------|----------|------------------|--------------------|-------------|----------------------------|----------------------------|
|    |                     |         |          |      |   |     |   |          |   |          |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |             |                            |                            |
| 1  | Giằng chéo khoang 1 | GG1K1   |          | 590  | x | 220 | x | 10       |   | Khoét lỗ | 7        | Còn sử dụng được |                    |             | Bản táp liên kết giằng gió |                            |
|    |                     |         | □        | 1140 | x | 200 | x | 9        |   | Tấm      | 2        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     | GG2K1   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    |                  | 1                  |             |                            |                            |
|    |                     |         |          | 590  | x | 220 | x | 10       |   | Khoét lỗ | 3        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     | GG3K1   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    |                  | 1                  |             |                            |                            |
|    |                     |         |          | 590  | x | 220 | x | 10       |   | Khoét lỗ | 3        |                  |                    |             |                            |                            |
| 2  | Giằng chéo khoang 2 | GG1K2   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                            | Bản táp liên kết giằng gió |
|    |                     |         |          | 590  | x | 220 | x | 10       |   | Khoét lỗ | 7        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     |         | □        | 1140 | x | 200 | x | 9        |   | Tấm      | 2        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     | GG2K2   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    | 1                |                    |             |                            |                            |
|    |                     |         |          | 590  | x | 220 | x | 10       |   | Khoét lỗ | 3        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     | GG3K2   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    | 1                |                    |             |                            |                            |
|    | 590                 |         | x        | 220  | x | 10  |   | Khoét lỗ | 3 |          |          |                  |                    |             |                            |                            |
| 3  | Giằng chéo khoang 3 | GG1K3   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                            | Bản táp liên kết giằng gió |
|    |                     |         |          | 590  | x | 220 | x | 10       |   | Khoét lỗ | 7        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     |         | □        | 1140 | x | 200 | x | 9        |   | Tấm      | 2        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     | GG2K3   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    | 1                |                    |             |                            |                            |
|    |                     |         |          | 590  | x | 220 | x | 10       |   | Khoét lỗ | 3        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     | GG3K3   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    | 1                |                    |             |                            |                            |
|    | 590                 |         | x        | 220  | x | 10  |   | Khoét lỗ | 3 |          |          |                  |                    |             |                            |                            |
| 4  | Giằng chéo khoang 4 | GG1K4   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |             |                            | Bản táp liên kết giằng gió |
|    |                     |         |          | 590  | x | 220 | x | 10       |   | Khoét lỗ | 7        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     |         | □        | 1140 | x | 200 | x | 9        |   | Tấm      | 2        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     | GG2K4   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    | 1                |                    |             |                            |                            |
|    |                     |         |          | 590  | x | 220 | x | 10       |   | Khoét lỗ | 3        |                  |                    |             |                            |                            |
|    |                     | GG3K4   | I        | 470  | x | 180 | x | 10       | x | 12       | Thanh    | 1                |                    |             |                            |                            |

| TT | Tên thanh            | Kí hiệu | Quy cách |      |   |     |   |    |   |    | ĐVT      | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết                     | Ghi chú                    |
|----|----------------------|---------|----------|------|---|-----|---|----|---|----|----------|----------|------------------|--------------------|---------------------------------|----------------------------|
|    |                      |         |          |      |   |     |   |    |   |    |          |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |                                 |                            |
|    |                      | GG1K4   | I        | 590  | x | 220 | x | 10 | x | 12 | Khoét lỗ | 3        |                  |                    | Bãi tập kết phạm vi công trường |                            |
| 5  | Giằng chéo khoang 5  | GG1K5   | I        | 470  | x | 180 | x | 10 | x | 12 | Thanh    | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 7        |                  |                    |                                 |                            |
|    |                      |         | II       | 1140 | x | 200 | x | 9  |   |    | Tấm      | 2        |                  |                    |                                 | Bản tấp liên kết giằng gió |
|    |                      | GG2K5   | I        | 470  | x | 180 | x | 10 | x | 12 | Thanh    | 1        |                  |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 3        |                  |                    |                                 |                            |
|    |                      | GG3K5   | I        | 470  | x | 180 | x | 10 | x | 12 | Thanh    | 1        |                  |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 3        |                  |                    |                                 |                            |
| 6  | Giằng chéo khoang 6  | GG1K6   | I        | 470  | x | 180 | x | 10 | x | 12 | Thanh    | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 7        |                  |                    |                                 |                            |
|    |                      |         | II       | 1140 | x | 200 | x | 9  |   |    | Tấm      | 2        |                  |                    |                                 | Bản tấp liên kết giằng gió |
|    |                      | GG2K6   | I        | 470  | x | 180 | x | 10 | x | 12 | Thanh    | 1        |                  |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 3        |                  |                    |                                 |                            |
|    |                      | GG3K6   | I        | 470  | x | 180 | x | 10 | x | 12 | Thanh    | 1        |                  |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 3        |                  |                    |                                 |                            |
| 7  | Giằng ngang khoang 1 | GNK1    | I        | 460  | x | 180 | x | 10 | x | 10 | Thanh    | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 6        |                  |                    |                                 |                            |
| 8  | Giằng ngang khoang 2 | GNK2    | I        | 460  | x | 180 | x | 10 | x | 10 | Thanh    | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 6        |                  |                    |                                 |                            |
| 9  | Giằng ngang khoang 3 | GNK3    | I        | 460  | x | 180 | x | 10 | x | 10 | Thanh    | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 6        |                  |                    |                                 |                            |
| 10 | Giằng ngang khoang 4 | GNK4    | I        | 460  | x | 180 | x | 10 | x | 10 | Thanh    | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 6        |                  |                    |                                 |                            |
| 11 | Giằng ngang khoang 5 | GNK5    | I        | 460  | x | 180 | x | 10 | x | 10 | Thanh    | 1        | Còn sử dụng được |                    |                                 |                            |
|    |                      |         |          | 590  | x | 220 | x | 10 |   |    | Khoét lỗ | 6        |                  |                    |                                 |                            |
|    |                      |         | I        | 460  | x | 180 | x | 10 | x | 10 | Thanh    | 2        |                  |                    |                                 |                            |

| TT | Tên thanh                 | Kí hiệu | Quy cách |     |   |     |   |     |   | ĐVT   | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết | Ghi chú         |                     |
|----|---------------------------|---------|----------|-----|---|-----|---|-----|---|-------|----------|------------------|--------------------|-------------|-----------------|---------------------|
|    |                           |         |          |     |   |     |   |     |   |       |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |             |                 |                     |
| 12 | Giằng ngang công cầu      | CC1     |          | 910 | x | 500 | x | 10  |   |       | Tấm      | 3                | Còn sử dụng được   |             |                 | Thanh tổ hợp        |
|    |                           |         |          | 220 | x | 640 | x | 420 | x | 10    | Tấm      | 5                |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         | L        | 100 | x | 100 | x | 10  |   |       | Thanh    | 10               |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         |          | 590 | x | 220 | x | 10  |   |       | Khoét lỗ | 6                |                    |             |                 |                     |
|    |                           | CC1'    | I        | 600 | x | 180 | x | 10  | x | 10    | Thanh    | 2                |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         |          | 590 | x | 220 | x | 10  |   |       | Khoét lỗ | 6                |                    |             |                 |                     |
|    |                           | CC2     | I        | 460 | x | 180 | x | 10  | x | 10    | thanh    | 2                |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         |          | 910 | x | 500 | x | 10  |   |       | thanh    | 3                |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         |          | 220 | x | 640 | x | 420 | x | 10    | thanh    | 5                |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         | L        | 100 | x | 100 | x | 10  |   |       | Thanh    | 10               |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         |          | 590 | x | 220 | x | 10  |   |       | Khoét lỗ | 6                |                    |             |                 |                     |
|    |                           | CC2'    | I        | 600 | x | 180 | x | 10  | x | 10    | Thanh    | 2                |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         |          | 590 | x | 220 | x | 10  |   |       | Khoét lỗ | 6                |                    |             |                 |                     |
| 13 | Liên kết công cầu         | LKCC    | T        | 150 | x | 200 | x | 10  | x | 10    | thanh    | 4                | Còn sử dụng được   |             |                 |                     |
|    |                           |         | L        | 90  | x | 90  | x | 10  |   |       | Thanh    | 8                |                    |             |                 | Sắt góc tổ hợp      |
|    |                           |         |          | 570 | x | 280 | x | 10  |   |       | Tấm      | 18               |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         | T        | 150 | x | 200 | x | 10  | x | 10    | thanh    | 4                |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         | I        | 600 | x | 180 | x | 10  | x | 10    | thanh    | 1                |                    |             |                 | 6 lỗ k 590 x # x 10 |
|    |                           |         | L        | 90  | x | 90  | x | 10  |   |       | Thanh    | 8                |                    |             |                 | Sắt góc tổ hợp      |
|    |                           |         |          | 570 | x | 280 | x | 10  |   |       | Tấm      | 18               |                    |             |                 |                     |
| 14 | Liên kết ngang thanh đứng | LKNTD   |          | 200 | x | 10  |   |     |   | Thanh | 12       | Còn sử dụng được |                    |             | Vị trí D2,D4,D6 |                     |
|    |                           |         |          | 140 | x | 10  |   |     |   | Thanh | 12       |                  |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         |          | 140 | x | 10  |   |     |   | Thanh | 3        |                  |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         |          | 90  | x | 10  |   |     |   | Thanh | 3        |                  |                    |             |                 |                     |
| C  | Liên kết dọc dưới         |         |          |     |   |     |   |     |   |       |          |                  |                    |             |                 |                     |
|    |                           |         | L        | 100 | x | 100 | x | 10  |   |       | Thanh    | 32               |                    |             | Bãi tập kết     | Thép tổ hợp         |

| TT | Tên thanh                | Kí hiệu | Quy cách |      |   |     |   |    |   | ĐVT   | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết                 | Ghi chú                         |  |  |
|----|--------------------------|---------|----------|------|---|-----|---|----|---|-------|----------|------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------------------|--|--|
|    |                          |         |          |      |   |     |   |    |   |       |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |                             |                                 |  |  |
| I  | Liên kết ngang dầm dọc   | LKNDD   | I        | 300  | x | 200 | x | 10 |   | tám   | 16       | Còn sử dụng được |                    | phạm vi công trường         |                                 |  |  |
|    |                          |         | L        | 100  | x | 100 | x | 8  |   | Thanh | 32       |                  |                    |                             |                                 |  |  |
| II | Giằng chéo dưới          |         |          |      |   |     |   |    |   |       |          |                  |                    |                             | I230                            |  |  |
| 1  | Giằng chéo dưới khoang 1 | GD1K1   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |                             | Bãi tập kết phạm vi công trường |  |  |
|    |                          | GD2K1   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD3K1   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          |         | II       | 1140 | x | 200 | x | 9  |   | Tám   | 2        |                  |                    | Bản táp liên kết giằng dưới |                                 |  |  |
| 2  | Giằng chéo dưới khoang 2 | GD1K2   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD2K2   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD3K2   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          |         | II       | 1140 | x | 200 | x | 9  |   | Tám   | 2        |                  |                    | Bản táp liên kết giằng dưới |                                 |  |  |
| 3  | Giằng chéo dưới khoang 3 | GD1K3   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD2K3   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD3K3   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          |         | II       | 1140 | x | 200 | x | 9  |   | Tám   | 2        |                  |                    | Bản táp liên kết giằng dưới |                                 |  |  |
| 4  | Giằng chéo dưới khoang 4 | GD1K4   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD2K4   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD3K4   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          |         | II       | 1140 | x | 200 | x | 9  |   | Tám   | 2        |                  |                    | Bản táp liên kết giằng dưới |                                 |  |  |
| 5  | Giằng chéo dưới khoang 5 | GD1K5   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD2K5   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD3K5   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          |         | II       | 1140 | x | 200 | x | 9  |   | Tám   | 2        |                  |                    | Bản táp liên kết giằng dưới |                                 |  |  |
| 6  | Giằng chéo dưới khoang 6 | GD1K6   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                | Còn sử dụng được   |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD2K6   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |
|    |                          | GD3K6   | I        | 260  | x | 230 | x | 10 | x | 10    | thanh    | 1                |                    |                             |                                 |  |  |

| TT       | Tên thanh                                 | Kí hiệu | Quy cách |      |   |     |   |      |        | ĐVT   | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết | Ghi chú                     |
|----------|-------------------------------------------|---------|----------|------|---|-----|---|------|--------|-------|----------|------------------|--------------------|-------------|-----------------------------|
|          |                                           |         |          |      |   |     |   |      |        |       |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |             |                             |
|          |                                           |         |          | 1140 | x | 200 | x | 9    |        | Tấm   | 2        |                  |                    |             | Bản táp liên kết giằng dưới |
| 7        | Giằng chéo dưới khoang 7                  | GD1K7   |          | 260  | x | 230 | x | 10   | x 10   | thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |             |                             |
|          |                                           | GD2K7   |          | 260  | x | 230 | x | 10   | x 10   | thanh | 1        |                  |                    |             |                             |
|          |                                           | GD3K7   |          | 260  | x | 230 | x | 10   | x 10   | thanh | 1        |                  |                    |             |                             |
|          |                                           |         |          | 1140 | x | 200 | x | 9    |        | Tấm   | 2        |                  |                    |             | Bản táp liên kết giằng dưới |
| 8        | Giằng chéo dưới khoang 8                  | GD1K8   |          | 260  | x | 230 | x | 10   | x 10   | thanh | 1        | Còn sử dụng được |                    |             |                             |
|          |                                           | GD2K8   |          | 260  | x | 230 | x | 10   | x 10   | thanh | 1        |                  |                    |             |                             |
|          |                                           | GD3K8   |          | 260  | x | 230 | x | 10   | x 10   | thanh | 1        |                  |                    |             |                             |
|          |                                           |         |          | 1140 | x | 200 | x | 9    |        | Tấm   | 2        |                  |                    |             | Bản táp liên kết giằng dưới |
| <b>D</b> | <b>Đường bộ hành,gối cầu, khe co giãn</b> |         |          |      |   |     |   |      |        |       |          |                  |                    |             |                             |
| 1        | Dầm dọc                                   | DD      |          | 195  | x | 165 | x | 10   | x 8    | thanh | 32       | Còn sử dụng được |                    |             | khoảng, mỗi khoảng 4 dầm d  |
| 2        | Liên kết dầm dọc                          | LKNDD   |          | 240  | x | 85  | x | 12   | x 12   | thanh | 48       | Còn sử dụng được |                    |             | ối khoảng có 6 LKN(TK3,H    |
| 3        | Công son đầu giàn                         | CS1     |          | 100  | x | 100 | x | 10   | x 1520 | thanh | 8        | Còn sử dụng được |                    |             | Thép bản tổ hợp, 4 cái      |
|          |                                           |         |          | 830  | x | 310 | x | 26   |        | Tấm   | 4        |                  |                    |             |                             |
|          |                                           |         |          | 1100 | x | 310 | x | 26   |        | Tấm   | 4        |                  |                    |             |                             |
|          |                                           |         |          | 1000 | x | 840 | x | 1150 | x 14   | Tấm   | 4        |                  |                    |             |                             |
| 3        | Công son giữa giàn                        | CS2     |          | 105  | x | 100 | x | 12   |        | Thanh | 28       | Còn sử dụng được |                    |             | Sắt góc tổ hợp              |
|          |                                           |         |          | 85   | x | 85  | x | 12   |        | Thanh | 28       |                  |                    |             |                             |
|          |                                           |         |          | 75   | x | 75  | x | 12   |        | Thanh | 56       |                  |                    |             |                             |
|          |                                           |         |          | 65   | x | 90  | x | 12   |        | Thanh | 28       |                  |                    |             |                             |
| 4        | Lan can phía ngoài (Φ22x3mm)              | LCN     |          |      |   |     |   |      |        | m     | 132      | Còn sử dụng được |                    |             | hạm vi ngoài đường người d  |
| 5        | Lan can phía trong (Φ90x3mm)              | LCT     |          |      |   |     |   |      |        | m     | 264      | Còn sử dụng được |                    |             | Phạm vi cầu                 |
|          | Lan can phía trong (Φ70x3mm)              |         |          |      |   |     |   |      |        | m     | 264      |                  |                    |             | Đường người đi              |
| 6        | Gối cầu di động                           |         |          |      |   |     |   |      |        | cái   | 2        | Còn sử dụng được |                    |             |                             |
| 7        | Gối cầu cố định                           |         |          |      |   |     |   |      |        | cái   | 2        | Còn sử dụng được |                    |             |                             |
| 8        | Bu lông CDC D22                           |         |          |      |   |     |   |      |        |       |          | Còn sử dụng được |                    |             |                             |

| TT | Tên thanh              | Kí hiệu | Quy cách |      |   |     |   |      |   | ĐVT | Số lượng | Hiện Trạng       |                    | Nơi Tập kết | Ghi chú                         |
|----|------------------------|---------|----------|------|---|-----|---|------|---|-----|----------|------------------|--------------------|-------------|---------------------------------|
|    |                        |         |          |      |   |     |   |      |   |     |          | Còn sử dụng được | Không sử dụng được |             |                                 |
| 9  | Bản táp dưới mạ hạ     |         | ■        | 1850 | x | 320 | x | 160  | x | 9   | Tấm      |                  | Còn sử dụng được   |             | Dày 12 mm                       |
|    |                        |         | □        | 480  | x | 610 | x | 9    |   |     | Tấm      |                  |                    |             |                                 |
| 10 | Bản táp dầm chủ        |         | ■        | 1510 | x | 910 | x | 1104 | x | 910 | Tấm      | 20               | Còn sử dụng được   |             |                                 |
| E  | Hệ thống xe kiểm tra   |         |          |      |   |     |   |      |   |     |          |                  |                    |             |                                 |
| 1  | Giàn xe kiểm tra       |         |          |      |   |     |   |      |   |     | bộ       | 1                | Còn sử dụng được   |             | Bãi tập kết phạm vi công trường |
| 2  | Đường chạy xe kiểm tra |         | I        | 180  | x | 80  | x | 10   | x | 12  | m        | 128              | Còn sử dụng được   |             |                                 |
| F  | Lan can mạ thượng      |         |          |      |   |     |   |      |   |     |          |                  |                    |             |                                 |
| 1  | Lan can kiểm tra       | LCKT1   | L        | 75   | x | 75  | x | 8    |   |     | thanh    | 60               | Còn sử dụng được   |             | Theo phương dọc cầu 66m 2 bên   |
|    |                        |         | L        | 75   | x | 75  | x | 8    |   |     | thanh    | 48               |                    |             |                                 |
|    |                        |         | Φ        | 22   | x | 3   |   |      |   |     | thanh    | 2                |                    |             |                                 |
|    |                        | LCKT2   | L        | 90   | x | 90  | x | 10   |   |     | Thanh    | 4                | Còn sử dụng được   |             | Bãi tập kết phạm vi công trường |
|    |                        |         | L        | 75   | x | 75  | x | 10   |   |     | thanh    | 10               |                    |             |                                 |
|    |                        |         | Φ        | 16   | x | 750 |   |      |   |     | thanh    | 184              |                    |             |                                 |
|    |                        |         | L        | 80   | x | 80  | x | 10   |   |     | thanh    | 2                |                    |             |                                 |